

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 62/2019/DS-PT

Ngày: 20/11/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương

Bà Lê Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân
tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công
khai vụ án HNGĐ phúc thẩm thụ lý số 47/2019/TLPT ngày 20 tháng 9 năm 2019,
về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do bản án số
34/2019/HNGĐ-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện NS, Thanh Hóa
bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐ-PT ngày
15/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 4, xã NA, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn D -
Luật sư Văn phòng Luật sư TP, Đoàn Luật sư Hà Nội, chi nhánh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Anh Mai Văn A - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 3, xã NA, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lại Thế B - Luật sư
Công ty Luật hợp danh HG, Đoàn Luật sư Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Mai Văn T. Sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm 3, xã NA, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

2. Quỹ tín dụng nhân dân xã NT;

Địa chỉ: Xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang C - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn và các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T, ông C đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân xã NT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Mai Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã NA, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2015, anh A sang Đài Loan làm ăn. Đến năm 2016, chị H cũng sang Đài Loan làm ăn cùng anh A. Một thời gian sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do gia đình nhà chồng đối xử không tốt với chị, chị không được quản lý tài sản của vợ chồng, anh A không quan tâm tới vợ, có lần anh A còn đánh đuổi chị. Tháng 10/2018, vợ chồng về nước thì mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Ngày 02/3/2019, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ngày 13/3/2019, chị nộp đơn ly hôn, sau đó anh A có xin lỗi nên chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nA mâu thuẫn cũng không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn xin ly hôn anh A.

- Về con: Chị H, anh A có 01 con chung tên là Mai C K, sinh ngày 08/5/2014. Hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng có những tài sản sau:

+ 01 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn đứng tên Mai Văn A tại Quỹ tín dụng nhân dân NT số tiền 600.000.000đ;

+ 01 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn đứng tên Phạm Thị H tại Quỹ tín dụng nhân dân NT số tiền 90.000.000đ;

+ 01 mảnh đất trúng đấu giá năm 2014, lô số 10, thửa số 465, diện tích 100m², tại xóm Hồ Đông, xã NT, huyện NS, Thanh Hóa mang tên anh Mai Văn A trị giá 70.000.000đ;

+ 01 mảnh đất trúng đấu giá năm 2014, lô số 11, thửa số 466, diện tích 100m², tại xóm Hồ Đông, xã NT, huyện NS, Thanh Hóa mang tên anh Mai Văn A trị giá 70.000.000đ;

+ 01 xe mô tô Janus đứng tên chủ xe Phạm Thị H, mua năm 2019 trị giá: 28.000.000đ.

Tổng tài sản chung của vợ chồng có giá trị: 858.000.000đ (Tám trăm năm mươi tám triệu đồng).

** Ý kiến của anh Mai Văn A:*

- Về hôn nhân: Về ngày tháng năm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn anh A cho rằng: Anh và gia đình không như chị H trình bày, không biết lý do gì, chị H luôn tìm cách gây sự, gây mâu thuẫn làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, kiếm cớ về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị H đã hai lần làm đơn ra tòa xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn chị H. Tại phiên tòa, anh A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con: Anh công nhận trình bày về con của chị H là đúng. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản: Tại bản tự khai đề ngày 09/5/2019 và bản tự khai không đề ngày anh A thừa nhận hai vợ chồng đi làm ăn lao động ở nước ngoài được số vốn theo sự kê khai của chị H, tổng tài sản là 858.000.000đ. Số vốn này chưa trả lại 300.000.000đ mà mẹ anh đã bỏ ra ban đầu cho hai vợ chồng đi nước ngoài.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2019, anh A công nhận tài sản của vợ chồng gồm 02 mảnh đất; 01 sổ tiết kiệm đứng tên chị H; 01 xe mô tô là đúng. Riêng 01 sổ tiết kiệm đứng tên anh 600.000.000đ trong đó có 490.000.000đ là anh vay của bố anh (ông Mai Văn T).

** Ý kiến của ông Mai Văn T:*

Ông có cho con trai là Mai Văn A vay riêng số tiền vào ngày 12/4/2019 là 490.000.000đ, vay không thời hạn và không lãi suất, mục đích vay để xây nhà ở. Khi cho anh A vay, chị H không biết. Hiện nay anh A đã trả cho ông đủ số tiền 490.000.000đ. Ông không có yêu cầu gì.

** Ý kiến của ông Phạm Quang C - Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân NT trình bày:*

Anh Mai Văn A, ông Mai Văn T và chị Phạm Thị H có nội dung giao dịch tại quỹ tín dụng nhân dân NT như sau:

Ngày 12/4/2019, ông T rút 493.240.000đ;

Ngày 12/4/2019, anh A gửi vào 490.000.000đ;

Ngày 12/4/2019, anh A rút 490.000.000đ;

Ngày 12/4/2019, anh A gửi vào 600.000.000đ;

Ngày 03/5/2019, anh A rút ra 600.343.000đ;

Ngày 03/5/2019, anh A gửi vào 500.000.000đ;

Ngày 13/5/2019, anh A rút ra 500.137.000đ;

Ngày 13/5/2019, anh A gửi vào 100.000.000đ.

Ngày 12/4/2019 chị Phạm Thị H có gửi số tiền 90.000.000đ.

** Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 11/7/2019 như sau:*

- 01 sổ tiết kiệm số tiền 600.000.000đ, đứng tên anh Mai Văn A tại quỹ tín dụng nhân dân NT: Chị H khẳng định số tiền 600.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng. Anh A cho rằng trong số tiền 600.000.000đ, anh vay của ông T (bố đẻ anh) 490.000.000đ;

- 01 sổ tiết kiệm số tiền 90.000.000đ, đứng tên chị Phạm Thị H tại quỹ tín dụng nhân dân NT: Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 36G1-335.04 đứng tên chủ xe Phạm Thị H trị giá 25.200.000đ;

- 01 mảnh đất tại thửa số 465, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m², tại xã NT, huyện NS, Thanh Hóa mang tên anh Mai Văn A, giá trị theo giá thị trường là 130.000.000đ;

- 01 mảnh đất tại thửa số 466, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m², tại xã NT, huyện NS, Thanh Hóa mang tên anh Mai Văn A, giá trị theo giá thị trường là 130.000.000đ.

Bản án số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện NS Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ: Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2, 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Mai Văn A.

Về con: Giao cháu Mai C K, sinh ngày 08/5/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không pB cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H. Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

- Giao cho anh Mai Văn A sở hữu những tài sản gồm:

+ Số tiền trong sổ tiết kiệm, số sổ PQ 0869622 ngày 13/5/2019 mang tên Mai Văn A tại quỹ tín dụng nhân dân NT là 100.000.000đ và số tiền đã rút 500.000.000đ tại sổ tiết kiệm số PQ 0869477 ngày 12/4/2019;

+ 01 thửa đất diện tích 100m² đất ở tại thửa số 465, tờ bản đồ số 06, tại xóm Hồ Đông, xã NT, huyện NS, Thanh Hóa đã được UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B758753 ngày 04/02/2015 đứng tên Mai Văn A, giá trị 130.000.000đ có vị trí: Phía Bắc giáp đất chị Mai Thị Thu: 20m, phía Nam giáp thửa đất 466 (giao cho chị H): 20m; phía Đông giáp bờ ruộng: 5m; phía Tây giáp đường tỉnh lộ 524: 5m.

Tổng giá trị tài sản anh A được nhận là 730.000.000đ. Anh A có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị H là 242.400.000đ. Tổng giá trị tài

sản anh A được chia là 487.600.000đ (Bốn trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Giao cho chị H sở hữu những tài sản gồm:

+ Số tiền trong sổ tiết kiệm, sổ sổ PQ 0869478 ngày 12/4/2019 mang tên Phạm Thị H tại quỹ tín dụng nhân dân NT là 90.000.000đ;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 36G1-335.04 đứng tên chủ xe Phạm Thị H, giá trị: 25.200.000đ;

+ 01 thửa đất diện tích 100m² đất ở tại thửa số 466, tờ bản đồ số 06, tại xóm Hồ Đông, xã NT, huyện NS, Thanh Hóa đã được UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B758754 ngày 04/02/2015 đứng tên Mai Văn A, giá trị 130.000.000đ có vị trí: Phía Bắc giáp thửa đất 465 (giao cho anh A): 20m, phía Nam giáp thửa đất của ông Đặng Văn Hữu: 20m; phía Đông giáp bờ ruộng: 5m; phía Tây giáp đường tỉnh lộ 524: 5m.

Tổng giá trị tài sản chị H được nhận là 245.200.000đ Chị H được nhận lại tiền chênh lệch về tài sản của anh A là 242.400.000đ. Tổng giá trị tài sản chị H được chia là 487.600.000đ (Bốn trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 19/8/2019 anh A có đơn kháng cáo các nội dung sau:

1, Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi vì anh có nhà đất là tài sản riêng và thu nhập cao ổn định hơn 10 triệu/tháng, làm việc giờ hành chính. Cháu K đã ở với ông bà nội từ năm 2015 khi mới được hơn 1 tuổi đến năm 2018, anh, chị về nước cháu K vẫn tiếp tục ở cùng bố mẹ và ông bà nội, cháu được đi học, có cuộc sống ổn định, đã quen sự chăm sóc của ông bà nội. Còn về chị H mới đưa cháu K về nhà ông bà ngoại từ tháng 4/2019 đến nay, chị H chưa có nhà riêng, công việc không có giờ ổn định.

2, Tài sản: Đối với khoản tiền 490 triệu anh vay của ông T được tính vào tài sản chung của vợ chồng. Khoản nợ này anh đã rút ra trả nợ cho ông T, nên không buộc anh pB thanh toán chênh lệch ½ khoản 490 triệu cho chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh A giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật TTDS.

- Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện NS phần con chung giao cháu Mai C K cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không pB cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Quan điểm của luật sư D (bảo vệ cho chị H):** Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của anh A, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về việc giao con và khoản tiền 490 triệu nợ riêng của anh A.

*** Quan điểm của luật sư B (bảo vệ cho anh A):** Đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh A, sửa án sơ thẩm theo hướng giao con cho anh A nuôi và không buộc anh pB chênh lệch $\frac{1}{2}$ khoản 490 triệu cho chị H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của luật sư, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Mai Văn A kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi con và khoản tiền 490 triệu anh vay của ông T được tính vào tài sản chung của vợ chồng thì không buộc anh pB thanh toán chênh lệch $\frac{1}{2}$ khoản 490 triệu cho chị H. Kháng cáo của anh A nộp trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T, ông C đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân xã NT. NA những

người này đã được tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] *Xét kháng cáo của anh Mai Văn A:*

- Về con chung: Chị H và anh A có 01 con chung là cháu Mai C K sinh ngày 08/5/2014, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh A và Chị H là chính đáng. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, khi xem xét ai trực tiếp nuôi con cần pB xét đến điều kiện tốt nhất cho con, không làm ảnh hưởng xáo trộn cuộc sống của con cái khi cha mẹ ly hôn.

Xét về điều kiện nuôi con thấy rằng: Anh A đã có nhà 2 tầng ổn định, đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên anh A (ngôi nhà anh và bố mẹ đang ở là của anh có trước khi hôn nhân). Anh làm trình được viên Công ty Thảo Nhi Pharco với mức lương trung bình trên 10 triệu, làm giờ hành chính. Khi cháu K còn nhỏ (hơn 1 tuổi) thì cả anh A và chị H đều đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Năm 2018 chị H về nước, trong thời gian xa bố, mẹ cháu K đã ở với ông bà nội ở ngôi nhà riêng của anh A, cháu được ông bà nội quan tâm, chăm sóc, được đi học tại trường mầm non xã NA, cháu K phát triển bình thường. Cả anh A và ông, bà nội đều tha thiết được tiếp tục trực tiếp chăm sóc cháu K. Xét thấy cháu K là con trai hiện nay cháu đã hơn 5 tuổi nên cũng không khó khăn khi giao cho bố và ông, bà nội chăm sóc cháu. Anh A có đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập để đảm bảo nuôi dưỡng cháu K phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, nên việc giao cháu K cho anh A trực tiếp chăm sóc sẽ thuận lợi và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu từ trước đến nay.

Mặc dù chị H xuất trình biên bản họp gia đình với nội dung gia đình họp để phân chia di sản theo hướng nhường cho chị H toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của bố mẹ đẻ, nhưng đây mới chỉ là biên bản họp gia đình chứ không phải là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H. Mặt khác về hình thức và nội dung biên bản họp gia đình không đáp ứng theo quy định của luật công chứng về việc phân chia di sản thừa kế, đó là mẫu biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và pB được công chứng, chứng thực theo đúng quy định, nên biên bản họp này không có giá trị pháp lý để xác định chị H

có toàn quyền sở hữu nhà, đất. Cháu K đã ở với ông, bà nội từ năm 2015 (cháu ở khi mới được hơn 1 tuổi), đến năm 2018 anh A, chị H về nước cháu vẫn tiếp tục ở cùng bố mẹ và ông bà nội, cháu được đi học, có cuộc sống ổn định, đã quen sự chăm sóc của ông, bà nội. Còn chị H mới đưa cháu K về nhà bên ngoại từ tháng 4/2019 đến nay, chị H chưa có nhà riêng, công việc trang điểm cô dâu không có giờ giấc ổn định. Thu nhập chính 5.000.000đ/tháng là không đảm bảo việc chăm, nuôi con một cách tốt nhất. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của anh A theo hướng giao con cho anh A trực tiếp nuôi là phù hợp.

Luật sư của phía nguyên đơn cho rằng không có căn cứ về công việc, thu nhập của anh A do không đóng BHXH và thuế thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, việc không đóng BHXH và thuế thu nhập cá nhân là trách nhiệm của doanh nghiệp sử dụng lao động và được điều chỉnh bằng quan hệ Hành chính giữa Cơ quan Thuế, bảo hiểm với doanh nghiệp. Điều đó không ảnh hưởng đến quan hệ lao động giữa Doanh nghiệp và người lao động, không ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động.

- Về tài sản: Anh A cho rằng số tiền kiếm 600 triệu anh trong đó có khoản tiền 490 triệu anh vay của ông T để chuẩn bị làm nhà, thì không được đưa vào là tài sản chung để chia.

Nhận thấy, ngày 12/4/2019 ông T rút ra 493.240.000đ, anh A mở sổ tiết kiệm tại quỹ tín dụng xã NT ngày 12/4/2019 trị giá 490 triệu, cùng ngày 12/4/2019 anh A rút ra 490 triệu gửi vào 600 triệu, chị H mở sổ tiết kiệm trị giá 90 triệu. Như vậy anh A khai vay ông T 490 triệu để làm nhà, chưa sử dụng nên đi gửi tiết kiệm, trong cùng 1 ngày chị H cũng gửi tiết kiệm, nA anh A không thông báo cho chị H biết việc vay nợ. Tại bản khai ngày 09/5/2019 anh A công nhận tài sản chung vợ chồng là 858 triệu, sau đó anh mới thay đổi lời khai cho rằng khoản 600 triệu có 490 triệu vay của ông T. Tuy nhiên, quỹ tín dụng NT chỉ xác nhận các lần giao dịch của ông T và anh A chứ không có căn cứ nào kết luận ông T đưa tiền cho anh A gửi tiết kiệm vì giao dịch ông T rút tiền ra và anh A gửi tiền vào là 2 giao dịch độc lập. Do đó, không đủ cơ sở khẳng định số tiền 600 triệu có số tiền 490 triệu anh A vay của ông T. Ông T cũng thừa nhận khoản tiền 490 triệu là khoản anh A

vay riêng, giấy vay nợ thể hiện ông T cho anh A vay riêng số tiền 490 triệu. Việc ông T cho anh A vay 490 triệu là khoản vay riêng chị H không biết, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản nợ 490 triệu là nợ chung của vợ chồng là đúng quy định Điều 33 Luật HNGĐ. Không chấp nhận kháng cáo của anh A về phần tài sản.

[3] *Về án phí*: Kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh A không pB chịu án phí HNGĐ phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005924 ngày 20/8/2019 AA/ của Chi cục THADS huyện NS, Thanh Hóa.

[4] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; Điều 309; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Mai Văn A. Sửa bản án số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện NS, Thanh Hóa về phần con cái, giữ nguyên án sơ thẩm về phần tài sản.

2. Xử:

* **Về con:** Giao cháu Mai C K, sinh ngày 08/5/2014 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không pB cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh A. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

*** Về tài sản:**

- Giao cho anh Mai Văn A sở hữu những tài sản gồm:

+ Số tiền trong sổ tiết kiệm, số sổ PQ 0869622 ngày 13/5/2019 mang tên Mai Văn A tại quỹ tín dụng nhân dân NT là 100.000.000đ và số tiền đã rút 500.000.000đ tại sổ tiết kiệm số PQ 0869477 ngày 12/4/2019;

+ 01 thửa đất diện tích 100m² đất ở tại thửa số 465, tờ bản đồ số 06, tại xóm Hồ Đông, xã NT, huyện NS, Thanh Hóa đã được UBND huyện NS cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số B758753 ngày 04/02/2015 đứng tên Mai Văn A, giá trị 130.000.000đ có vị trí: Phía Bắc giáp đất chị Mai Thị Thu: 20m, phía Nam giáp thửa đất 466 (giao cho chị H): 20m; phía Đông giáp bờ ruộng: 5m; phía Tây giáp đường tỉnh lộ 524: 5m.

Tổng giá trị tài sản anh A được nhận là 730.000.000đ. Anh A có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị H là 242.400.000đ. Tổng giá trị tài sản anh A được chia là 487.600.000đ (Bốn trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Giao cho chị H sở hữu những tài sản gồm:

+ Số tiền trong sổ tiết kiệm, số sổ PQ 0869478 ngày 12/4/2019 mang tên Phạm Thị H tại quỹ tín dụng nhân dân NT là 90.000.000đ;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 36G1-335.04 đứng tên chủ xe Phạm Thị H, giá trị: 25.200.000đ;

+ 01 thửa đất diện tích 100m² đất ở tại thửa số 466, tờ bản đồ số 06, tại xóm Hồ Đông, xã NT, huyện NS, Thanh Hóa đã được UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B758754 ngày 04/02/2015 đứng tên Mai Văn A, giá trị 130.000.000đ có vị trí: Phía Bắc giáp thửa đất 465 (giao cho anh A): 20m, phía Nam giáp thửa đất của ông Đặng Văn Hữu: 20m; phía Đông giáp bờ ruộng: 5m; phía Tây giáp đường tỉnh lộ 524: 5m.

Tổng giá trị tài sản chị H được nhận là 245.200.000đ Chị H được nhận lại tiền chênh lệch về tài sản của anh A là 242.400.000đ. Tổng giá trị tài sản chị H được chia là 487.600.000đ (Bốn trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Án phí: Anh A không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm, anh được trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005924 ngày 20/8/2019 của THADS huyện NS, Thanh Hóa.

4. Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án HNGĐ phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện NS
- TAND huyện NS
- Chi cục THA huyện NS
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung